**Bảng câu hỏi khảo sát về việc học tiếng Nhật.(dành cho người lớn)**

【**Câu 1】Giới tính của bạn.**

　　□Nam　　　　　□Nữ　　　　　□Khác (Tôi không thể nói ・Tôi không muốn trả lời)

【**Câu 2】Độ tuổi**

　　□Dưới 19 tuổi　　 □Từ 20 〜29 tuổi　　□Từ 30 〜39 tuổi　　　□Từ 40 〜49 tuổi

　　□Từ 50 〜59 tuổi □Từ 60 〜69 tuổi　　□Trên 70 tuổi

【**Câu 3】Sinh sống ở Quận**

□Quận ( ) Thành Phố Yokohama.＊

＊Hãy xem địa chỉ ở thẻ ngoại kiều nếu không biết tên Quận đang sinh sống.

□Sống ở ngoài Thành Phố Yokohama.

**【Câu 4】Quốc gia・Địa phương xuất thân.**

　　□Trung Quốc　　□Hàn Quốc　　　　□Việt Nam　　　□Philippines　　　□Nepal

　　□Ấn độ　　　　 □Indonesia　 　□Đài Loan　　　 □Brazil　　　 　□Mỹ

□Quốc gia khác ( )

**【Câu 5】Ngôn ngữ（Chọn nhiều câu cũng được）**

**＊Những ngôn ngữ có thể nói mà không cần thông dịch.**

□Tiếng Anh　　　　 □Tiếng Trung Quốc　 □Tiếng Hàn Quốc　□Tiếng Tây Ban Nha

□Tiếng Bồ Đào Nha　□Tiếng Tagalog　　 □Tiếng Việt Nam　□Tiếng Nepal

□Tiếng Indonesia　　□Tiếng Thái Lan　　 □Khác ( 　　　　　 )

【**Câu 6】Tư cách lưu trú hiện tại. （Chỉ chọn 1 câu）**

　　□Vĩnh trú　　 □Visa kỹ thuật・Tri thức Nhân Văn・Nghiệp vụ quốc tế.

□Visa đoàn tụ gia đình.　 　□Vĩnh trú đặc biệt.　　□Thường Trú (cư trú dài hạn)

□Có vợ/chồng là người Nhật.　□Có vợ / chồng là người có tư cách vĩnh trú.

□Visa kỹ năng đặc định.　　　 □Thực tập kỹ thuật　　□Visa du học.

□Quốc tịch Nhật Bản.　 □Không biết

□Khác（　　　　　　　　 　　　 　）

【**Câu 7】Thời gian sống ở Nhật (tổng cộng)**

　　□Dưới 6 tháng　 　 　□Trong khoảng từ 7 tháng〜1 năm

□Trong khoảng từ 2～3 năm.　　□Trong khoảng từ 4～5 năm.

□Trên 6 năm ( khoảng 　　 năm)

**【Câu 8】Ở Nhật bạn sống cùng với ai ? （Chọn nhiều câu cũng được）**

　　□Sống một mình.　 □Vợ/ chồng・Bạn đời・Người yêu　　 □Con cái

□Bố Mẹ　　 □Anh chị em　　　 □Cháu nội/ngoại

□Người thân khác　　 □Bạn làm chung công ty.　　　 □Cùng với bạn.

　□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

**【Câu 9】Nghề nghiệp（Chọn nhiều câu cũng được）**

　　□Doanh nhân

　　□Nhân viên công ty・Nhà nước・Đoàn thể ( toàn thời gian)

□Nhân viên hợp đồng・Nhân viên tạm thời

□Tự kinh doanh・Kinh doanh tự do・Nghề tự do

　　□Làm việc bán thời gian.　　　□Học sinh　　 　　□Nội trợ　　　　□Thất nghiệp.　　　　　□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

|  |
| --- |
| ＊Hãy cho biết công việc cụ thể đối với người đang đi làm |

**【Câu 10】Từ bây giờ bạn dự định sống ở Nhật bao lâu.**

　　□Trong vòng 1 năm　　 □Từ 2～3 năm　　□Từ 4～5 năm □Trên 6 năm

□Mãi mãi・Mãi mãi nếu có thể　□cũng không biết nữa.

**【Câu 11】Hiện tại bạn có thể nói tiếng Nhật ở mức độ nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| Nói ・Nghe  （Chỉ chọn 1 câu） | □Có thể nghe hiểu giống như người Nhật.  □Có thể nghe , hiểu nên không gặp khó khăn trong cuộc sống.  □Có thể trả lời những câu hỏi đơn giản bằng từ vựng.  □Hầu như không thể nghe hiểu và nói tiếng Nhật. |
| Đọc  （Chỉ chọn 1 câu） | □Có thể đọc ( báo, tiểu thuyết ) tốt tiếng Nhật như người bản ngữ.  □Có thể đọc các câu văn ngắn như email và tờ rơi.  □Có thể đọc chữ Hiragana, Katakana, chữ Hán đơn giản.  □Có thể đọc được một số từ bằng chữ Hiragana, Katakana.  □Hầu như không thể đọc tiếng Nhật. |
| Viết  （Chỉ chọn 1 câu） | □Có thể viết (chữ Hán, chữ Hiragana v.v) giống như người Nhật.  □Có thể viết chữ Hiragana, Katakana và chữ Kanji đơn giản.  □Có thể viết được chữ Hiragana, Katakana  □Hầu như không thể viết tiếng Nhật. |

**【Câu 12】Cho đến nay, bạn đã học tiếng Nhật bằng cách nào?**

**（Chọn nhiều câu cũng được）**

　　□Tự mình học (tự học)　　　　 □Từ gia đình hoặc bạn bè thân thiết.

□Học ở trường tiếng Nhật trước khi đến Nhật.

□Học ở trường trước khi đến Nhật ( Trường Đại Học v.v.ngoài trường dạy tiếng Nhật)

□Học tại trường dạy tiếng Nhật ở Nhật.

□Học ở trường tiểu học , trung học Nhật Bản v.v.

□Học ở nơi làm trước khi đến Nhật.　　　　□Học tại nơi làm ở Nhật.

□Học ở lớp học trực tuyến.　　　　　　　　□Học ở lớp học tiếng Nhật khác.

□Chưa từng học ở lớp tiếng Nhật nào khác ngoài lớp học này.

□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

**【Câu 13】Bạn đã làm được gì sau khi học tiếng Nhật?（Chọn nhiều câu cũng được）**

□Giao tiếp ( Nghe・nói)　　　　　　 □Đọc viết ( chữ Hán , ngữ pháp)

□Hiểu được các thông tin cần thiết trong cuộc sống.

□Công việc (Xin việc làm・chuyển việc, thăng tiến)

□Tìm hiểu về văn hóa và phong tục Nhật Bản.

□Giao tiếp với người Nhật. □Tham gia cộng đồng .

□Giao lưu với người nước ngoài. □Chăm sóc và giáo dục con cái.

□Bị bệnh.　　 □Có thể tự mình làm các thủ tục, hợp đồng.

□Luyện thi năng lực tiếng Nhật (JLPT)

□Luyện thi các kỳ thi khác ngoài kỳ thi năng lực tiếng Nhật

(Thi tuyển sinh, thi lấy bằng cấp)

□Không có mục tiêu rõ ràng.　　　 □Khác（　　　 　　　　　　　）

**【Câu 14】Lý do tại sao bạn chọn lớp học này? （Chọn nhiều câu cũng được）**

□Bởi vì có ngày・thời gian phù hợp. 　 □Bởi vì lớp học nằm ở vị trí dễ đi lại.

□Bởi vì được miễn phí (hoặc phí rất rẻ)　□Bởi vì có thể dẫn theo con đi cùng.

□Bởi vì cảm thấy ấm cúng, thoải mái.

□Bởi vì người trong gia đình đang (đã) đi học.

□Bởi vì có bạn đang học ở đây.

□Bởi vì có thể nói chuyện với người nước ngoài.

□Bởi vì có thể tham gia các sự kiện.

□Bởi vì phù hợp với trình độ tiếng Nhật của tôi.

□Bởi vì có tài liệu và trương trình giảng dạy tốt.

□Bởi vì có thể học trực tuyến.　　　　 □Bởi vì có thể học một thầy một trò.

□Bởi vì được gia đình chọn. □Bởi vì thầy cô dạy theo mong muốn của tôi.

□Bởi vì không có nơi khác để học.

□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

**【Câu 15】Bạn đã tham gia lớp học tiếng Nhật được bao lâu?（（Chỉ chọn 1 câu）**

＊Bao gồm các lớp học khác ngoài lớp học này.

　　□Trong vòng nửa năm.　　　　 □Khoảng 1 năm.

□Lâu hơn nữa, khoảng ( ) năm.

**【Câu 16】Số buổi học tiếng Nhật của bạn ? （Chỉ chọn 1 câu）**

\*Đối với người tham gia nhiều lớp học thì tính tổng cộng.

　　□Từ 1 ～3 buổi 1 tháng.　　　　□Khoảng 1 buổi 1 tuần　　　□Khoảng 2 buổi 1 tuần

　　□Khoảng trên 3 buổi 1 tuần. □Không ổn định

□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

**【Câu 17】Bạn đến lớp học tiếng Nhật bằng phương tiện gì?**

**（Chọn nhiều câu cũng được）**

　　□Đi bộ　　　 □Đi bằng xe đạp hay xe máy.

□Đi bằng xe buýt　　　□Đi bằng tàu điện, tàu điện ngầm.

□Khác（　　　　　 　 　　　　　　）

**【Câu 18】Hiệu quả tốt khi tham gia lớp học tiếng Nhật này là gì?**

**（Chọn nhiều câu cũng được）**

□Biết trò chuyện bằng tiếng Nhật.　　 □Biết đọc và viết tiếng Nhật giỏi hơn.

□Đã đậu kỳ thi năng lực tiếng Nhật (JLPT v.v)

□Việc tiếp thu thông tin cần thiết cho cuộc sống trở nên dễ dàng hơn.

□Giúp làm việc trở nên dễ dàng hơn.

□Giúp hiểu hơn về nước Nhật (thành phố Yokohama)

□Học tiếng Nhật thật thú vị.　　　　　 □Có các sự kiện và hoạt động thú vị.

□Có thêm nhiều người quen là người Nhật.

□Có thể kết bạn với người cùng học tiếng Nhật.

□Là nơi cảm thấy thoải mái, an tâm , ngoài nhà mình hay nơi làm.

□Là nơi có thể chia sẽ khó khăn. □Không có ý kiến・cũng không biết nữa.　　　　　　□Khác（　　　　　　 　　　　　　　　　　）

**【Câu 19】Bạn có gặp khó khăn hay lo lắng nào khác ngoài việc học tiếng Nhật**

**không?（Chọn nhiều câu cũng được）**

□Về nơi ở　　 □Về công việc.　　 □Về tiền bạc.

□Về tình yêu, kết hôn , ly hôn. □Mang thai, sinh con.　　□Nuôi dạy con cái.

□Giáo dục trẻ em.　　 □Sức khỏe bản thân.

□Sức khỏe người thân trong gia đình.

□Chăm sóc điều dưỡng.　 　□Bảo hiểm, lương hưu. □Thuế.

□Những quy tắc trong cuộc sống như cách vứt rác. □Về bằng lái xe ô tô.　　 　□Về luật lệ giao thông. □Về tư cách lưu trú. □Bị cô lập, cô đơn.

□Bị phân biệt đối xử, định kiến. □Không có ý kiến

□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

**【Câu 20】Điều gì bạn muốn làm, có thể làm giúp ích ở địa phương ?**

**（Chọn nhiều câu cũng được）**

　　□Chỉ dạy tiếng Nhật, cuộc sống và phong tục ở Nhật cho người nước ngoài mới đến Nhật.

□Giới thiệu về đất nước và văn hóa của mình.

□Tham gia các lễ hội và sự kiện ở địa phương để được giao lưu với nhiều người khác nhau.

□Muốn tham gia các hoạt động tình nguyện.( )

□Muốn trở nên hữu ích hơn thông qua công việc của mình.

□cũng không biết nữa. □Không có ý kiến

□Khác（　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　　）

【**Câu 21】Bạn nghĩ nên làm gì để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nước ngoài**

**ở thành phố Yokohama?**

|  |
| --- |
|  |

Bảng câu hỏi khảo sát kết thúc tại đây. Cảm ơn bạn đã hợp tác.